

Số: 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ

Tây Ninh, ngày 24 tháng 07 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NIÊN ĐỘ 2025 – 2026**

(V/v Cập nhật ngành nghề kinh doanh Công ty)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm ("**Luật Doanh nghiệp**");
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm ("**Luật Chứng khoán**");
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 ("**Nghị định 155**");
- Căn cứ Nghị định số 96/2026/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31/03/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư ("**Nghị định 96**");
- Căn cứ Quyết định 36/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29/09/2025 ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ("**Quyết định 36**");
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa ("**Điều lệ**");
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường niên độ 2025 - 2026 số 01/2026/BBH-ĐHĐCĐ ngày 24/07/2026 của Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1. Thông qua việc cập nhật ngành, nghề kinh doanh của Công ty nhằm phù hợp với quy định tại Quyết định 36, cụ thể như sau:**

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty sau khi cập nhật như sau:

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1   | Sản xuất đường<br>Chi tiết: Sản xuất đường                                                                                                                                                                            | 1072     |
| 2   | Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo<br>Chi tiết: Sản xuất điện sinh khối và điện năng lượng mặt trời, không bao gồm hoạt động sản xuất thủy điện, điện gió ngoài khơi và năng lượng hạt nhân.                   | 3512     |
| 3   | Truyền tải và phân phối điện<br>Chi tiết: Phân phối điện tự sản xuất, không bao gồm hoạt động phân phối thủy điện, điện gió ngoài khơi và năng lượng hạt nhân; không thực hiện dịch vụ phân phối điện cho bên thứ ba. | 3513     |
| 4   | Trồng cây mía                                                                                                                                                                                                         | 0114     |
| 5   | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường                                                            | 1079     |



| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 6   | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ<br>Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                 | 2012     |
| 7   | Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự<br>Chi tiết: Kinh doanh khách sạn                                                                                                                                                                                                                                            | 5510     |
| 8   | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng                                                                                                                                                                                                                                  | 5610     |
| 9   | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật, công nghệ trong ngành sản xuất mía đường                                                                                                                                                             | 7499     |
| 10  | Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác<br>Chi tiết: Tư vấn quản lý trong ngành sản xuất mía đường                                                                                                                                                                                    | 7020     |
| 11  | Sản xuất hóa chất cơ bản<br>Sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn                                                                                                                                                                                                                                   | 2011     |
| 12  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 ngày 28/11/2023.                                                                                | 6810     |
| 13  | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;<br>- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;<br>- Sản xuất chế biến nước ngọt, nước trái cây, sữa đậu nành;<br>- Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.                                                   | 1105     |
| 14  | Chế biến và bảo quản rau quả<br>Chi tiết: Chế biến hàng nông sản                                                                                                                                                                                                                                                   | 1030     |
| 15  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với lúa gạo, đường mía, đường củ cải, gỗ, tre, nứa, mùn cao su, thuốc lá | 4620     |
| 16  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp.                                                                                                                                                                                                                                                            | 4653     |
| 17  | Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh.                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1101     |
| 18  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4632     |

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|     | Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; rau, quả; sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; thực phẩm khác (trừ đường, lúa gạo).                                                                                                                                                                                                                                           |          |
| 19  | Bán lẻ tổng hợp với lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn<br>Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ đường, lúa gạo, thuốc lá, thuốc lào, xì gà)                                                                                                                                                                           | 4711     |
| 20  | Bán lẻ tổng hợp khác<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại; Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với thuốc lá, thuốc lào, xì gà, sách, báo và tạp chí, vật phẩm đã ghi hình, kim loại quý và đá quý, dược phẩm, thuốc nổ, dầu thô và dầu đã qua chế biến, đường mía, đường củ cải, lúa gạo. | 4719     |
| 21  | Bán lẻ thực phẩm<br>Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt; rau, quả; sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đường, lúa gạo).                                                                                                                                                                                         | 4722     |
| 22  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4633     |
| 23  | Bán lẻ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4723     |
| 24  | Bán lẻ lương thực<br>Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm (trừ đường, lúa gạo, thuốc lá, thuốc lào, xì gà), đồ uống lưu động hoặc tại chợ.                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4721     |
| 25  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm:<br>- Thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513);<br>- Công tác lắp dựng và lắp đặt (CPC 514, 516)<br>- Các công tác thi công khác (CPC 511, 515, 518).                                                                                                                                                   | 4299     |
| 26  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.<br>Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4659     |
| 27  | Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.<br>Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị ngành mía đường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3312     |
| 28  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.<br>Chi tiết: Lắp đặt thiết bị ngành mía đường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3320     |

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 29  | Xây dựng nhà để ở<br>Chi tiết: Xây dựng tất cả các loại nhà để ở, bao gồm:<br>- Thi công xây dựng nhà cao tầng (CPC 512);<br>- Công tác hoàn thiện công trình nhà cao tầng (CPC 517).                                                                                                                                                                      | 4101     |
| 30  | Xây dựng nhà không để ở<br>Chi tiết: Xây dựng tất cả các loại nhà không để ở, bao gồm:<br>- Nhà xưởng phục vụ sản xuất công nghiệp, thi công xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng (CPC 513);<br>- Công tác lắp dựng và lắp đặt (CPC 514, 516).                                                                                                        | 4102     |
| 31  | Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan<br>Chi tiết: Hoạt động cung cấp và cho thuê hạ tầng thông tin, cho thuê máy chủ; không bao gồm dịch vụ bưu chính, viễn thông.                                                                                                                                         | 6310     |
| 32  | Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>Chi tiết: Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; không bao gồm thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với vật phẩm đã ghi hình.                                                                                                                                 | 4651     |
| 33  | Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò<br>Chi tiết: Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò; không bao gồm hoạt động nghiên cứu, sử dụng nguồn gen giống vật nuôi hoặc sản xuất, kinh doanh dòng, giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá, chấp thuận hoặc công nhận.                              | 0141     |
| 34  | Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa<br>Chi tiết: Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa; không bao gồm hoạt động nghiên cứu, sử dụng nguồn gen giống vật nuôi hoặc sản xuất, kinh doanh dòng, giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá, chấp thuận hoặc công nhận.                  | 0142     |
| 35  | Chăn nuôi dê, cừu, hươu, nai và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai<br>Chi tiết: Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai; không bao gồm hoạt động nghiên cứu, sử dụng nguồn gen giống vật nuôi hoặc sản xuất, kinh doanh dòng, giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá, chấp thuận hoặc công nhận. | 0144     |
| 36  | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn<br>Chi tiết: Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn, không bao gồm hoạt động nghiên cứu, sử dụng nguồn gen giống vật nuôi hoặc sản xuất, kinh doanh dòng, giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá, chấp thuận hoặc công nhận.                                                  | 0145     |

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 37  | Chăn nuôi gia cầm<br>Chi tiết: Chăn nuôi gia cầm, không bao gồm hoạt động nghiên cứu, sử dụng nguồn gen giống vật nuôi hoặc sản xuất, kinh doanh dòng, giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá, chấp thuận hoặc công nhận.                         | 0146     |
| 38  | Chăn nuôi khác<br>Chi tiết: Chăn nuôi khác, không bao gồm hoạt động nghiên cứu, sử dụng nguồn gen giống vật nuôi hoặc sản xuất, kinh doanh dòng, giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá, chấp thuận hoặc công nhận.                               | 0149     |
| 39  | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp<br>Chi tiết: Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; không bao gồm hoạt động nghiên cứu, sử dụng nguồn gen giống vật nuôi hoặc sản xuất, kinh doanh dòng, giống vật nuôi mới trước khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, đánh giá, chấp thuận hoặc công nhận. | 0150     |
| 40  | Trồng cây ăn quả                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0121     |
| 41  | Trồng cây lấy quả chứa dầu                                                                                                                                                                                                                                                                    | 0122     |

## 2. Sửa đổi Điều lệ Công ty

Sửa đổi khoản 1 Điều 3 của Điều lệ Công ty phản ánh việc cập nhật ngành nghề kinh doanh nêu trên.

## 3. Ủy quyền/ phân quyền/ giao quyền

Ủy quyền/ phân quyền/ giao quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục pháp lý để cập nhật, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp để phản ánh việc cập nhật ngành nghề kinh doanh nêu trên.

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm triển khai, giám sát và báo cáo việc thực hiện Nghị quyết này./.

### Nơi nhận:

- HĐQT, BTGD;

- Lưu: TKCT.



**ĐẶNG HUỲNH ỨC MY**